

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh V.	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	38	2.503.839.947.856	2.151.114.097.734
2. Các khoản giảm trừ	02	39	7.530.659.461	2.243.358.193
+ Chiết khấu			-	
+ Giảm giá hàng bán			173.737.985	30.383.421
+ Hàng bán bị trả lại			7.356.921.476	2.212.974.772
+ Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp				
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.496.309.288.395	2.148.870.739.541
4. Giá vốn hàng bán	11	40	1.865.414.176.290	1.899.661.285.197
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		630.895.112.105	249.209.454.344
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	41	52.608.692.283	5.288.017.228
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	42	74.931.113.347	128.716.005.984
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		45.690.756.936	
8. Chi phí bán hàng	24	43	184.598.943.735	90.342.228.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	44	96.091.068.758	30.780.567.415
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		327.882.678.548	4.658.669.621
11. Thu nhập khác	31	45	5.777.864.067	5.788.299.500
12. Chi phí khác	32	46	148.179.920	246.588.397
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.629.684.147	5.541.711.103
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		333.512.362.695	10.200.380.724

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2009**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh V.	Năm 2009	Năm 2008
1	2	3	4	5
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	47	42.292.755.855	1.808.393.672
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	48	577.089.616	577.089.616
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	49	290.642.517.224	8.969.076.668
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	50	12.651,911	476,6

Người lập biểu

Kế toán

Ngày tháng năm 2010

Tổng Giám đốc



Vũ Quốc Anh



Nguyễn Minh Thiện



NGUYỄN NGỌC TUẤN

3068
 CÔNG TY
 CÔNG NGHIỆP
 CAO SU
 MIỀN NAM
 QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH
 HỒ